TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sua

Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2017 về: ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1988; Cư trú tại: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; Cư trú tại: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/03/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2009. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn cùng chung quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng liên tục xảy ra bất hòa. Anh N tính gia trưởng, nếu chị K không làm theo ý anh thì anh đánh và đã đánh rất nhiều lần. Chị K đã cố chấp nhận cuộc sống vì hạnh phúc gia đình, vì con cái nhưng nay không thể chấp nhận được nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Q, sinh ngày 08/11/2009. Hiện cháu Q đang sống chung với chị K. Cháu Q có nguyện vọng sống với mẹ. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết được quyền nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xác định vợ chồng cũng không nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 15/03/2017 anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: anh cũng xác định vợ chồng anh có mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, chị K yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì muốn hai vợ chồng cùng sửa đổi, khắc phục để chăm lo cho con cái. Ngoài ra anh N không có ý kiến gì khác.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện

đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Đương sự là nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70. 72 Bộ luật tố dụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị K đối với anh N; giao cháu Nguyễn Thành Q cho chị K trông nom, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung xác định không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh N không đến tòa án. Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

Về nội dung vụ án: đối với yêu cầu khởi kiện của chị K Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về hôn nhân: anh chị tự nguyên chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2009 nên hôn nhân giữa chị K và anh N là hợp pháp.

Chị K cho rằng mâu thuẫn chủ yếu trong hôn nhân là do tính tình anh N gia trưởng, thường xuyên đánh chị. Chị thấy bản thân không được tôn trọng nên yêu cầu ly hôn. Tại biên bản xác minh ngày 07/6/2017, Công an xã T, huyện C, tỉnh

Tây Ninh đã cung cấp thông tin: vào ngày 03/4/2017 anh N xuống gia đình chị K gây rối, đem theo dao để chém chị K. Công an xã T đã mời anh chị về trụ sở làm việc. Tại đây, anh N có tự tay viết cam kết hứa sẽ không vi phạm nữa. Ngày 15/3/2017 anh N có bản tự khai tại Tòa án trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh thừa nhận quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Sau đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập làm việc; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh N không đến tòa án cũng như không trình bày yêu cầu, ý kiến hay phản đối ý kiến của chị K. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự anh N có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng không đưa ra chứng cứ để chứng minh, xem như anh N không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân với chị K và Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ.

Như vậy, có cơ sở xác định vợ chồng anh chị mâu thuẫn là có thật và lời trình bày của chị K là có căn cứ. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nghĩ nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K.

Về con chung: Chị K và anh N chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thành Q, sinh ngày 08/11/2009. Cháu Q hiện sống cùng với K và có nguyện vọng được sống cùng chị K sau khi anh chị ly hôn. Chị K cũng đồng ý nhận trách nhiệm nuôi dưỡng nên xét thấy cần giao cháu Nguyễn Thành Q cho chị K trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh N không cấp dưỡng nuôi con vì chị K không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị K xác định vợ chồng không nợ ai nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Khoản 2 Điều 92; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Nguyễn Thị K đối với anh Nguyễn Văn N.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Thành Q, sinh ngày 08/11/2009 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu. Sau khi ly hôn, anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Ghi nhận chị K Không yêu cầu Tòa án giải quyết, đương sự trình bày không nợ chung không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0017548 ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND h Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bình